TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HS-ST
Ngày 29 – 11 – 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Khon

Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Xuân Nữ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ L số: 46/2019/TLST-HS, ngày 06 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Dương Văn K, sinh năm 1987, tại tỉnh Đồng Tháp.

Nơi cư trú: Khóm CC, phường AL, thị xã HN, tỉnh ĐT; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn M (chết) và bà Thái Thị B; vợ và con: Chưa; tiền án và tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2018 đến ngày 02/02/2019. Bị cáo đang tại ngoại (Có mặt).

2. Võ Văn P, sinh năm 1990, tại tỉnh Đồng Tháp.

Nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn TC, huyện TN, tỉnh ĐT; nghề nghiệp: Hớt tóc; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị P; vợ và con: Chưa; tiền án và tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2018 đến ngày 02/02/2019. Bị cáo đang tại ngoại (Có mặt).

3. Trần Văn S, sinh năm 1960, tại tỉnh Đồng Tháp.

Nơi cư trú: Ấp BC, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; Trần Lê Văn H (chết) và bà Trần Thị B1 (chết); có vợ và 02 con; tiền án và tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2018 đến ngày 10/01/2019. Bị cáo đang tại ngoại (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Võ Văn P:* Luật sư Thái Quang T là Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp L Nhà nước tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- *Bị hại:* Anh Trần Chí L, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp BH, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn HC (Sau đây gọi tắt là Công ty HC).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn H, sinh năm 1953; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Văn H: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1979; chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức hành chính; nơi cư trú: Ấp LH, xã LG, huyện CM, tỉnh AG (Vắng mặt).

2. Bà Thái Thị B, sinh năm 1958 (Có mặt).

Nơi cư trú: Khóm CC, phường AL, thị xã HN, tỉnh ĐT.

3. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1968 (Có mặt).

Nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn TC, huyện TN, tỉnh ĐT.

4. Anh Trần Văn L1, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp BC, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Bùi Duy L2, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm TĐA, thị trấn ThB, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông Phạm Văn D, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã TQ, huyện TB, tỉnh ĐT.

3. Chị Tô Tuyết L3, sinh năm 1972 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp BC, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/6/2018, Công ty HC ký Hợp đồng số 10/2018/HC với anh Trần Chí L. Theo nội dung Hợp đồng, Công ty HC thuê phương tiện ghe gỗ Chí L 1, biển số ĐT 12707 của anh L để vận chuyển cá tra nguyên liệu từ ao nuôi về nhà máy chế biến. Trong quá trình vận chuyển cá tra nguyên liệu từ ao về nhà máy nếu để mất cá, cá hư hỏng như sình, hư thối, trắng mang thì anh L chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Công ty HC theo thỏa thuận tại Hợp đồng.

Bị cáo Dương Văn K và Võ Văn P là nhân công làm thuê trên ghe Chí L 1, biển số ĐT 12707 của anh Trần Chí L đứng tên chủ sở hữu. Trong quá trình

vận chuyển cá về bến neo đậu chờ lên cá không có người trong coi nên K và P bàn bạc cùng nhau bắt trộm cá tra trên ghe Chí L 1 bán lại lấy tiền tiêu xài. Khoảng tháng 11/2018, K và P gặp Trần Văn S làm nghề câu lưới gần bến sông lên cá của Công ty HC nên thỏa thuận với S khi nào ghe chở cá về bến K và P bắt cá tra giao cho S bán lấy tiền chia nhau xài, S đồng ý.

Khoảng 6 giờ ngày 07/12/2018, Dương Văn K, Võ Văn P và Nguyễn Văn Phú điều khiển ghe Chí L 1, biển số ĐT 12707 đi từ Công ty HC đến vùng nuôi cá thuộc xã Tân Công Sính, huyện Tam Nông để chở cá tra nguyên liệu. Khoảng 19 giờ cùng ngày, ghe Chí L 1 chở cá về đến bến Công ty HC, các bị cáo K, P và anh Phú neo ghe và đi ngủ. Khoảng 02 giờ ngày 08/12/2018, bị cáo K và P lén lút mở khoan sau và mở cửa hông bên phải ghe Chí L 1, lấy bao tay bằng vải bắt cá tra trong khoan sau bỏ vào đầy giỏ (sọt) gỗ, bị cáo K điện thoại cho bị cáo S chạy xuồng gỗ (loại tam bản), máy xăng màu xanh đến đậu cặp phía sau bên phải ghe để nhận cá tra. Khoảng 02 giờ 40 phút, khi lấy trộm được 05 giỏ với số lượng 511,5kg thì bị anh Bùi Duy L2 và anh Phạm Văn D là nhân viên bảo vệ Công ty HC phát hiện các bị cáo có hành vi lén lút lấy trộm cá tra nên điện thoại báo Công an xã Bình Thành đến kiểm tra, lập biên bản phạm tội quả tang.

Ngoài ra, các bị cáo Dương Văn K, Võ Văn P và Trần Văn S còn khai nhận: Trước đó, khoảng từ đầu tháng 11 đến tháng 12/2018 đã thực hiện 04 lần lấy trộm cá tra nguyên liệu từ ghe Chí L 1, trong đó: 03 lần mỗi lần 80kg và 01 lần lấy trộm 70kg, tổng cộng 04 lần lấy trộm là 310kg *(trong đó có 01 lần K, S thực hiện cùng với Nu không rõ tên và địa chỉ)*. Sau khi lấy trộm cá, bị cáo S mang cá bán cho chị Tô Tuyết L3, sinh năm 1972, ngụ ấp Bình Chánh, xã Bình Thành, huyện Thanh Bình. Sau mỗi lần lấy trộm cá tra giao cho S đi bán thì tiền bán cá K chia cho P 300.000 đồng và S 300.000 đồng còn lại K tiêu xài. Bị cáo P khai đã nhận tiền từ bị cáo K 03 lần với tổng số tiền là 900.000 đồng, bị cáo S đã nhận tiền từ bị cáo K 04 lần với tổng số tiền là 1.200.000 đồng, bị cáo K giữ khoản tiền của 04 lần bán cá tra là 3.200.000 đồng. Như vậy, các bị cáo đã lấy trộm tổng cộng 821,5kg cá tra nguyên liệu từ ghe Chí L 1, do anh Trần Chí L là chủ sở hữu.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 06/KL-HĐ ngày 10/12/2018 và số: 20/KL-HĐ ngày 28/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thanh Bình, kết luận: Tổng trọng lượng cá tra 821,5kg x 30.000đ/kg = 24.645.000 đồng.

Về vật chứng thu giữ, gồm:

- Số lượng 511,5kg cá tra nguyên liệu, hiện nay Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Bình đã trả lại cho bị hại xong.

- 01 máy xăng màu xanh (không nhãn hiệu) và láp; 01 xuồng gỗ (loại tam bản) chiều dài 5,6m, chiều rộng 1,23m của bị cáo S và 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ, ốp lưng bằng mũ màu trắng của bị cáo K.

- Ghe chất liệu gỗ, biển kiểm soát số ĐT 12707 do anh Trần Chí L đứng tên chủ sở hữu. Hiện nay, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Bình đã trao trả cho anh L xong.

- Đối với chiếc giỏ (sọt) chứa cá tra lấy trộm và chiếc điện thoại S dùng để liên lạc với K, trong lúc bị phát hiện bắt quả tang bị rơi xuống sông nên không truy tìm được.

Về trách nhiệm dân sự:

Đối với 310kg cá tra bị mất trộm không thu hồi được, anh Trần Chí L yêu cầu bồi thường số tiền 9.920.000 đồng. Ngày 26/01/2019, bà Thái Thị B (mẹ của bị cáo K) đã nộp số tiền 5.500.000 đồng, bà Nguyễn Thị P (mẹ của bị cáo P), đã nộp số tiền 2.170.000 đồng và ngày 25/01/2019 bị cáo S đã nộp số tiền 2.250.000 đồng, tổng cộng số tiền đã nộp là 9.920.000 đồng, để khắc phục hậu quả cho bị hại.

Tại bản cáo trạng số: 48/CT-VKS-TB ngày 05/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình truy tố các bị cáo Dương Văn K, Võ Văn P và Trần Văn S về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình giữ nguyên Cáo trạng truy tố, phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Dương Văn K, Võ Văn P và Trần Văn S phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Dương Văn K và bị cáo Võ Văn P từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 2 Nghị Quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xử phạt bị cáo Trần Văn S từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (M hai) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Văn P phát biểu: Thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều khoản của tội danh áp dụng đối với bị cáo. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo P được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tác động gia đình đã khắc phục hậu quả, bị cáo đã tự thú, bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh khó khăn về kinh tế và được cấp Sổ hộ cận nghèo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị B trình bày:* Bà B không yêu cầu bị cáo K trả lại số tiền đã giao nộp để khắc phục hậu quả. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P trình bày:* Bà P không yêu cầu bị cáo P trả lại số tiền đã giao nộp để khắc phục hậu quả. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Trong phần tranh luận, các bị cáo Dương Văn K, Võ Văn P và Trần Văn S thống nhất với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bị cáo Dương Văn K nói lời sau cùng: Bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, lo cho gia đình, nuôi mẹ già và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo Võ Văn P nói lời sau cùng: Bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, lo cho gia đình và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo Trần Văn S nói lời sau cùng: Bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, lo cho gia đình và trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi của mình như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 08/12/2018, bị cáo K và P lén lút mở khoan sau và mở cửa hông bên phải ghe Chí L 1, bắt cá tra trong khoan sau bỏ vào đầy giỏ (sọt) gỗ, bị cáo K điện thoại cho bị cáo S nhận cá tra. Đến khoảng 02 giờ 40 phút, khi lấy trộm được 05 giỏ với số lượng 511,5kg cá tra thì bị phát hiện bắt quả tang.

Ngoài ra, từ đầu tháng 11/2018 đến tháng 12/2018 các bị cáo đã thực hiện 04 lần lấy trộm cá tra nguyên liệu từ ghe Chí L 1, gồm có 03 lần mỗi lần 80kg và 01 lần lấy trộm 70kg, tổng cộng là 310 kg. Như vậy, các bị cáo đã lấy trộm tổng cộng 821,5kg cá tra nguyên liệu từ ghe Chí L 1 do anh Trần Chí L là chủ sở hữu.

Các bị cáo thống nhất với Bản kết luận định giá tài sản số: 06/KL-HĐ ngày 10/12/2018 và số: 20/KL-HĐ ngày 28/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thanh Bình, kết luận: Tổng trọng lượng cá tra 821,5 kg x 30.000đ/kg = 24.645.000 đồng.

Như vậy, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người Kc là vi phạm pháp luật, song vì sự tham lam, tư lợi nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, các bị cáo nhận thấy được hậu quả những vẫn mong muốn hậu quả xảy ra. Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự.

Với những phân tích nêu trên, đủ cơ sở kết luận các bị cáo Dương Văn K, Võ Văn P và Trần Văn S đã phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[2] Xét thấy, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo có đủ sức khỏe để lao động tạo nguồn thu nhập hợp pháp nuôi sống bản thân và gia đình nhưng vì bản chất lười lao động, mong muốn nhanh chóng có tiền để tiêu xài mà không phải lao động nên các bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều thống nhất cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, khi lượng hình đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân và thái độ của từng bị cáo. Trong vụ án này, các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội có tính chất, mức độ vi phạm như sau:

Đối với các bị cáo K và P, các bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người Kc và chủ động rủ rê, lôi kéo bị cáo S cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Như vậy, có cơ sở xác định các bị cáo giữ vai trò chính trong việc phạm tội, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đến cùng và thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần. Do đó, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo các bị cáo trở thành người tốt, có ích cho gia đình và trở thành một công dân có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo S, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản khi được các bị cáo K và P rủ rê, lôi kéo. Tuy nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hậu quả đã được khắc phục, bị cáo tự thú, bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng. Từ đó cho thấy, bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Cho nên, việc bị cáo hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đã đủ để bị cáo cải tạo trở thành người tốt, trở thành một công dân có ích cho xã hội.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả và các bị cáo đã tự thú. Riêng bị cáo P, S là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh khó khăn về kinh tế và được cấp Sổ hộ nghèo, Sổ hộ cận nghèo. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số lượng cá tra 310kg không thu hồi được nên buộc các bị cáo trả giá trị theo giá của Hội đồng định giá đã định là phù hợp. Tuy nhiên, các bị cáo

đã tác động gia đình tự nguyện nộp tổng số tiền là 9.920.000 đồng để khắc phục hậu quả. Do dó, cần trả cho anh Trần Chí L số tiền 9.920.000 đồng.

[6] Về xử L vật chứng:

- Số lượng 511,5kg cá tra nguyên liệu là tài sản của bị hại nên Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Bình đã trả cho bị hại là phù hợp.

- Ghe chất liệu gỗ, biển kiểm soát số ĐT 12707 là tài sản của bị hại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Bình đã trả cho bị hại là phù hợp.

- 01 máy xăng màu xanh (không nhãn hiệu) và láp; 01 xuồng gỗ (loại tam bản) chiều dài 5,6m, chiều rộng 1,23m của bị cáo Trần Văn S và 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ, ốp lưng bằng mũ màu trắng của bị cáo Dương Văn K. Các vật chứng nêu trên là công cụ do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Xét thấy, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền bị cáo P đã nhận là 900.000 đồng, bị cáo S đã nhận là 1.200.000 đồng và bị cáo K đã nhận là 3.200.000 đồng, đây là tiền thu lợi bất chính. Xét thấy, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với chiếc giỏ (sọt) chứa cá tra lấy trộm và chiếc điện thoại S dùng để liên lạc với K, trong lúc bị phát hiện bắt quả tang bị rơi xuống sông nên không truy tìm được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Xét ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Võ Văn P là đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình về khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về xử L vật chứng và trách nhiệm dân sự là có căn cứ chấp nhận.

[9] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Thanh Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo Dương Văn K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Võ Văn P, bị cáo Trần Văn S được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Dương Văn K, bị cáo Võ Văn P phạm tội "*Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Dương Văn K 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2018 đến ngày 02/02/2019.

Xử phạt bị cáo Võ Văn P 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2018 đến ngày 02/02/2019.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn S phạm tội "*Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Trần Văn S 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Văn S cho Ủy ban nhân dân xã Bình Thành, huyện Thanh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm Pi hợp Ủy ban nhân dân xã Bình Thành, huyện Thanh Bình trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Trần Văn S thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trả cho anh Trần Chí L số tiền 9.920.000 đồng (Chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

(Số tiền nêu trên hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình đang quản L).

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước 01 máy xăng màu xanh (không nhãn hiệu) và láp; 01 xuồng gỗ (loại tam bản) chiều dài 5,6m, chiều rộng 1,23m của bị cáo Trần Văn S và 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ, ốp lưng bằng mũ màu trắng của bị cáo Dương Văn K.

(Các vật chứng nêu trên hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình đang quản L).

+ Buộc bị cáo Dương Văn K nộp số tiền 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng), bị cáo Võ Văn P nộp số tiền 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng),

bị cáo Trần Văn S nộp số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng), tổng cộng là 5.300.000 (Năm triệu ba trăm nghìn đồng). Tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 5.300.000 đồng (Năm triệu ba trăm nghìn đồng).

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Dương Văn K phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Võ Văn P, bị cáo Trần Văn S được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền Kng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền Kng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKS ND huyện Thanh Bình;
- CA huyện Thanh Bình;
- CC THADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKS ND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ và Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Võ Văn Hồng Biên